|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Tìm ý không phù hợp với vai trò của vitamin A trong cơ thể. |
|  | Vitamin A tham gia vào quá trình tăng trưởng. |
|  | Thiếu vitamin A làm trẻ chậm lớn |
|  | Thiếu vitamin A làm trẻ biếng ăn. |
| \* | Thiếu vitamin A làm trẻ bị xanh xao, thiếu máu |
| End |  |
| 002 | Tìm ý không phù hợp với vai trò của vitamin A ở mắt: |
|  | Ở mắt Vitamin A kết hợp với 1 loại protein để tổng hợp Rodopsin. |
|  | Thiếu vitamin A làm trẻ giảm khả năng thích nghi với bóng tối. |
| \* | Thiếu vitamin A làm biểu mô giác mạc ướt. |
|  | Thiếu vitamin A sẽ làm biểu mô ống dẫn các tuyến lệ bị sứng hoá. |
| End |  |
| 003 | Tìm ý không phù hợp với vai trò của vitamin A trong cơ thể. |
|  | Vitamin A cần thiết cho quá trình biệt hoá các tổ chức biểu mô |
| \* | Thiếu vitamin A làm sự sản xuất các niêm dịch tăng lên. |
|  | Thiếu vitamin A làm sừng hoá biểu mô phế quản. |
|  | Thiếu vitamin A sẽ làm sừng hoá niêm mạc dạ dày, ruột |
| End |  |
| 004 | Tìm ý không phù hợp với chuyển hoá vitamin A trong cơ thể. |
|  | Vitamin A chủ yếu có trong các thức ăn động vật. |
|  | Beta Caroten có trong các thức ăn thực vật. |
|  | Vitamin A trong thức ăn chủ yếu được hấp thu ở ruột non. |
| \* | Việc hấp thu vitamin A cần có vai trò của men Pepsin. |
| End |  |
| 005 | Tìm ý không phù hợp với chuyển hoá vitamin A trong cơ thể: |
|  | Vitamin A được tích lũy ở gan 30-50% |
|  | RBP được tổng hợp ở gan và chỉ giải phóng vào máu dưới dạng kết hợp RBP-Retinon |
|  | RBP vận chuyển retinon từ gan tới các cơ quan khác. |
| \* | Khi thiếu vitamin A sẽ kích thích sự giải phóng RBP. |
| End |  |
| 006 | Tìm ý không phù hợp với nguyên nhân gây thiếu vitamin A do thiếu cung cấp: |
| \* | Chế độ ăn thiếu protêin |
|  | Chế độ ăn nhiều gạo. |
|  | Chế độ ăn ít mỡ. |
|  | Ăn ít rau và hoa quả. |
| End |  |
| 007 | Tìm ý **không phù hợp** với nguyên nhân gây thiếu vitamin A do hấp thu: |
|  | Trẻ bị tiêu chảy kéo dài |
|  | Trẻ bị nhiễm khuẩn: sởi, lỵ |
|  | Trẻ bị suy dinh dưỡng nặng |
| \* | Trẻ bị nhiễm giun. |
| End |  |
| 008 | Tìm ý **không phù hợp** với biểu hiện toàn thân của thiếu vitamin A |
|  | Trẻ biếng ăn |
|  | Chậm lớn |
| \* | Da ướt. |
|  | Tóc dễ rụng. |
| End |  |
| 009 | **Tìm ý sai** trong phân loại thiếu Vitamin A của OMS 1981: |
|  | XN: Quáng gà |
| \* | X1a: Vệt Bitot |
|  | X2: Khô giác mạc |
|  | XS: Sẹo giác mạc |
| End |  |
| 010 | Tìm ý sai trong phân loại thiếu Vitamin A của OMS 1981: |
| \* | X1b.Khô kết mạc |
|  | X3a: Loét dưới 1/3 diện tích giác mạc |
|  | X2: Khô giác mạc |
|  | X3b.Loét trên1/3 diện tích giác mạc |
| End |  |
| 011 | Tìm ý không phù hợp với biểu hiện quáng gà do thiếu vitamin A |
| \* | Là biểu hiện xuất hiện sau khi trẻ bị khô kết mạc |
|  | Do giảm cung cấp vitamin A đến các tế bào hình que của võng mạc. |
|  | Làm giảm khả năng thích nghi của trẻ với bóng tối. |
|  | Những trẻ biết đi thường bị vấp ngã. |
| End |  |
| 012 | Tìm ý không phù hợp với biểu hiện của khô kết mạc do thiếu vitamin A |
|  | Màng tiếp hợp khô. |
|  | Màng tiếp hợp không bóng ướt như bình thường. |
|  | Kết mạc dày, có những nếp nhăn. |
| \* | Giác mạc trông như màn sương phủ. |
| End |  |
| 013 | Tìm ý không phù hợp với đặc điểm của vệt Bitot trong thiếu vitamin A |
|  | Là những vệt trắng, bóng ở trên màng tiếp hợp. |
|  | Là những vệt có hình tam giác, thường ở góc dưới của mắt. |
|  | Do biểu mô bị dày lên, bong vảy. |
| \* | Có thể nhìn thấy những chấm mờ của kết mạc giống như một đám cát khi thuỷ triều xuống. |
| End |  |
| 014 | Tìm ý không phù hợp với biểu hiện khô giác mạc: |
|  | Giác mạc mất bóng, sáng. |
|  | Giác mạc trông như màn sương phủ. |
|  | Tổn thương bắt đầu từ phần dưới của giá mạc. |
| \* | Do biểu mô bị dày lên, bỏng vảy. |
| End |  |
| 015 | Tìm ý không phù hợp với biểu hiện khô đáy mắt do thiếu vitamin A. |
|  | Thường gặp ở tuổi đi học. |
| \* | Biểu hiện tình trạng thiếu vitamin A cấp tính. |
|  | Soi đáy mắt thấy xuất hiện những vùng trắng sáng rải rác dọc theo võng mạc có màu đỏ. |
|  | Thị lực giảm. |
| End |  |
| 016 | Lượng vitamin A bình thường trong máu là: |
| \* | 20-50 μg/100ml |
|  | 50-70 μg/100ml |
|  | 70-90 μg /100ml |
|  | 90-110 μg/100ml |
| End |  |
| 017 | Trong bệnh thiếu vitamin A, xét nghiệm hàm lượng vitamin A trong máu |
| \* | < 10 μg/100ml |
|  | < 15 μg/100ml |
|  | < 20 μg/100ml |
|  | < 25 μg/100ml |
| End |  |
| 018 | Liều lượng vitamin A trong ngày đầu cho trẻ dưới 6 tháng tuổi là: |
|  | 30.000đv |
|  | 40.000đv |
| \* | 50.000đv |
|  | 60.000đv. |
| End |  |
| 019 | Liều lượng vitamin A trong ngày đầu cho trẻ dưới 6 đến 12 tháng tuổi là: |
|  | 50.000đv |
|  | 80.000đv |
| \* | 100.000đv |
|  | 120.000đv. |
| End |  |
| 020 | Liều lượng vitamin A trong ngày đầu cho trẻ trên 1 tuổi là: |
|  | 50.000đv |
|  | 100.000đv |
|  | 150.000đv |
| \* | 200.000đv. |
| End |  |
| 021 | Trong điều trị thiếu vitamin A, bệnh nhân nôn nhiều có thể dừng vitamin A tiêm với liều: |
|  | Bằng 1/4 liều uống |
|  | Bằng 1/3 liều uống |
| \* | Bằng 1/2 liều uống |
|  | Bằng 2/3 liều uống |
| End |  |
| 022 | Tìm ý không phù hợp với biện pháp chế độ ăn của bà mẹ và trẻ em nhằm phòng thiếu vitamin A |
|  | Phụ nữ có thai và cho con bú cần ăn những thức ăn có chứa nhiều vitamin A. |
|  | Ngoài các thức ăn động vật nên tận dụng các loại quả có màu vàng, rau có màu xanh thẫm. |
|  | Cho trẻ bú mẹ sớm sau khi đẻ để trẻ được hưởng sữa non có chứa nhiều vitamin A. |
| \* | Cho bà mẹ uống vitamin A liều cao khi có thai. |
| End |  |
| 023 | Để tăng cường hấp thu vitamin A cần: |
|  | Cho trẻ ăn nhiều ngũ cốc |
|  | Cho trẻ ăn nhiều cá |
|  | Cho thêm dầu vào thức ăn hàng ngày. |
| \* | Cho thêm đường vào thức ăn. |
| End |  |
| 024 | Trường hợp nào sau đây không cần cho trẻ phải uống phòng bằng vitamin A liều cao: |
|  | Suy dinh dưỡng. |
|  | Sởi |
| \* | Ỉa chảy cấp |
|  | Viêm phổi kéo dài. |
| End |  |
| 025 | Để tăng lượng vitamin A trong sữa mẹ, phụ nữ có thể uống 1 liều vitamin A 200.000đv vào lúc |
|  | 3 tháng trước khi đẻ |
|  | 1 tháng trước khi đẻ. |
| \* | Trong vòng tháng đầu sau đẻ. |
|  | 3 tháng sau đẻ. |
| End |  |
| 026 | Phụ nữ có thai nếu nghi ngờ thiếu vitamin A thì cho uống vitamin A với liều: |
| \* | 10.000đv |
|  | 50.000đv |
|  | 100.000đv |
|  | 200.000đv. |
| End |  |